

Đơn vị: Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật và Du lịch tỉnh Ninh Bình



DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Kèm theo Quyết định số 85 /TCKTKTDL ngày 08/04/2025 của Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật và Du lịch tỉnh Ninh Bình

ĐVT: nghìn đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO	GHI CHÚ
	TỔNG CỘNG (A+B):	11.870.000	
A	KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN GIAO TỰ CHỦ	9.599.000	
I	BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC	8.765.000	
1	Chi thanh toán cá nhân (40 viên chức)	7.606.000	
1.1	Tiền lương	4.382.000	
-	Lương theo ngạch, bậc	4.382.000	
1.2	Phụ cấp lương	2.020.000	
-	Phụ cấp chức vụ	135.000	
-	Phụ cấp ưu đãi nghề	1.195.000	
-	Phụ cấp trách nhiệm	25.000	
-	Phụ cấp thâm niên VK, thâm niên nghề	606.000	
-	Phụ cấp công tác Đảng, đoàn thể	59.000	
1.3	Các khoản đóng góp	1.204.000	
-	Bảo hiểm xã hội	897.000	
-	Bảo hiểm y tế	154.000	
-	Kinh phí công đoàn	102.000	
-	Bảo hiểm thất nghiệp	51.000	
2	CHI ĐỊNH MỨC	1.159.000	
2.1	Phụ cấp lương	12.000	
-	Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ	12.000	
2.2	Tiền thưởng	58.416	
-	Thưởng thường xuyên	52.416	
-	Thưởng đột xuất	6.000	
2.3	Phúc lợi tập thể	453.200	
-	Chi các ngày lễ Tết, chè nước, Tết thiếu nhi, Tết trung thu, khuyến học...	453.200	
2.4	Các khoản chi thanh toán khác cho cá nhân	12.000	

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO	GHI CHÚ
-	Chi khác	12.000	
2.5	Thanh toán dịch vụ công cộng	92.400	
-	Tiền điện sinh hoạt	60.000	
-	Tiền nước	21.600	
-	Tiền vệ sinh môi trường	4.800	
-	Khoản phương tiện theo chế độ	6.000	
2.6	Vật tư văn phòng	79.000	
-	Văn phòng phẩm	32.000	
-	Mua sắm CC,DC văn phòng	15.000	
-	Vật tư văn phòng khác	32.000	
2.7	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	26.500	
-	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	3.600	
-	Cước bưu chính	3.000	
-	Truyền hình cáp, thuê bao vệ tinh	14.900	
-	Khác	5.000	
2.8	Hội nghị	6.000	
-	In tài liệu Hội nghị	2.000	
-	Chi phí khác	4.000	
2.9	Công tác phí	51.000	
-	Công tác phí đi công tác tỉnh ngoài	19.800	
+	Tiền vé máy bay, tàu xe	4.500	
+	Phụ cấp công tác phí	7.200	
+	Tiền thuê phòng ngủ (khoản)	8.100	
-	Khoản công tác phí	31.200	
2.10	Chi phí thuê mướn	48.000	
-	Thuê lao động trong nước	48.000	
2.11	Sửa chữa duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn	145.500	
-	Diệt mối khu A	49.500	
-	Các thiết bị công nghệ thông tin	36.000	
-	Tài sản và thiết bị văn phòng	48.000	
-	Đường điện, cấp thoát nước	12.000	

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO	GHI CHÚ
2.12	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	16.200	
-	Khoản trang phục cho CB hành chính làm việc ngoài trời	1.200	
-	Chi hỗ trợ CBGV đi học văn bằng ĐH khác	15.000	
2.13	Mua sắm tài sản vô hình	6.000	
-	Bảo trì phần mềm Kế toán MISA	6.000	
2.14	Chi khác	123.284	
-	Chi tiếp khách các đơn vị trong và ngoài tỉnh về làm việc, kiểm tra công tác chuyên môn	12.000	
-	Chi khác	111.284	
2.15	Chi cho các sự kiện lớn	29.500	
-	Chi ngày lễ, Tết	29.500	
II	CHI HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG NĐ 111/NĐ-CP	834.000	
1	Chi con người	631.000	
1.1	Tiền công trả vị trí lao động TX theo HĐ	511.000	
1.2	Các khoản đóng góp	120.000	
+	Bảo hiểm xã hội	90.000	
+	Bảo hiểm y tế	15.000	
+	Kinh phí công đoàn	10.000	
+	Bảo hiểm thất nghiệp	5.000	
2	Định mức chi hành chính	203.000	
2.1	Tiền thưởng	55.000	
2.2	Phúc lợi tập thể	78.080	
2.3	Thanh toán dịch vụ công cộng	38.600	
2.4	Vật tư văn phòng	12.000	
2.5	Sửa chữa duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn	13.820	
2.6	Chi khác	5.500	
B	KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN KHÔNG GIAO TỰ CHỦ	2.271.000	
1	Mua sắm	157.000	
-	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy CS1, CS2	24.000	
-	Mua sắm đồ dùng, thiết bị dạy hệ trung cấp nghề Kỹ thuật chế biến món ăn	49.000	
-	Thay mới cổng ra vào Khu A - CS1 và CS2	84.000	



TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO	GHI CHÚ
2	Sửa chữa	78.000	
-	Sửa chữa đường điện trong các phòng học khu A - CS1	78.000	
3	Đặc thù	2.036.000	
-	Duy trì PM QLTS	3.000	
-	<i>Kinh phí thực hiện chính sách miễn giảm học phí</i>	2.033.000	